TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: **22**/2019/HNGĐ-ST Ngày: 27/8/2019 V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bạch Đình Ca.

2. Bà H Bliăk Niê.

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ông Văn C, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Buôn M, xã Đ, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

2. Bị đơn: Bà Đinh Thị A, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Buôn E, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn ông Ông Văn C trình bày như sau:

Ông Ông Văn C (nguyên đơn) và bà Đinh Thị A (bị đơn) tự nguyện tìm hiểu sau đó chung sống với nhau như vợ chồng tại buôn E, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk từ năm 1995 đến năm 2013 nhưng không đăng ký kết hôn. Do quá trình chung sống các bên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã xô xát nên từ năm 2013 đến nay ông bà không còn chung sống với nhau nữa, nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Ông Văn S, sinh ngày 11/8/1995 và Ông Thị Lan V, sinh ngày 21/7/2000 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án

xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Đinh Thị A trình bày như sau:

Giữa nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau như vợ chồng tại xã B, huyện C từ năm 1995 và không đăng ký kết hôn do nhận thức pháp luật hạn chế như nguyên đơn trình bày là đúng. Đến năm 2013 do phát sinh mâu thuẫn nên ông bà không còn chung sống với nhau nữa, mỗi người một nơi và đều có cuộc sống riêng. Nay nguyên đơn khởi kiện bị đơn đề nghị Tòa án ghi nhận và giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung tên Ông Văn S, sinh ngày 11/8/1995 và Ông Thị Lan V, sinh ngày 21/7/2000 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về thủ tục tố tụng: các đương sự đã thực hiện đầy đủ; nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên HĐXX căn cứ các điều 227, 228 BLTTDS để xét xử vụ án.

[3] Về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định pháp luật và tại phiên tòa đương sự có mặt không cung cấp chứng cứ gì thêm. Do đó HĐXX sẽ xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[4] Về nội dung tranh chấp:

Năm 1995 nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tìm hiểu sau đó chung sống với nhau như vợ chồng tại xã buôn E, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk không đăng ký kết hôn, đến năm 2013 thì phát sinh mẫu thuẫn nên các bên không tiếp tục chung sống. Nay nguyên đơn cho rằng hai bên không còn tình cảm, không phát sinh quan hệ vợ chồng nên yêu cầu không công nhận là vợ chồng là có căn cứ.

Theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nam, nữ đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Xét thấy nguyên đơn và bị đơn đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, hiện nay các bên đều có cuộc sống riêng và cùng có nguyện vọng yêu cầu Tòa án

không công nhận quan hệ vợ chồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

Về con chung: Có 02 con chung tên Ông Văn S, sinh ngày 11/8/1995 và Ông Thị Lan V, sinh ngày 21/7/2000 đều đã trưởng thành nên các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 14, 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ông Văn C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Ông Văn C và bà Đinh Thị A là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Ông Văn S, sinh ngày 11/8/1995 và Ông Thị Lan V, sinh ngày 21/7/2000 đều đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn ông Ông Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0014653 ngày 11/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- CCTHADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH